|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN SO SÁNH NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH 24/2012/NĐ-CP NGÀY 03/4/2012 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG**

| **Điều** | **Nghị định 24** | **Dự thảo Nghị định sửa đổi,**  **bổ sung Nghị định 24** | **Thuyết minh** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** | Khoản 1 Điều 1  Nghị định này quy định về hoạt động kinh doanh vàng, bao gồm: hoạt động sản xuất, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng; hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng và các hoạt động kinh doanh vàng khác, bao gồm cả hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản và hoạt động phái sinh về vàng. | Khoản 1 Điều 1  Nghị định này quy định về hoạt động kinh doanh vàng, bao gồm: Hoạt động sản xuất, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động sản xuất vàng miếng; hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng; hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng và các hoạt động kinh doanh vàng khác, bao gồm cả hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản và hoạt động phái sinh về vàng. | Hoạt động sản xuất vàng miếng theo Nghị định 24 do Nhà nước độc quyền. Dự thảo Nghị định quy định NHNN cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng cho các TCTD, DN đáp ứng đủ điều kiện nên cần bổ sung hoạt động sản xuất vàng miếng vào phạm vi điều chỉnh của dự thảo. |
| **Điều 3. Giải thích từ ngữ** | Khoản 2 Điều 3  Vàng miếng là vàng được dập thành miếng, có đóng chữ, số chỉ khối lượng, chất lượng và ký mã hiệu của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây được gọi là Ngân hàng Nhà nước) cho phép sản xuất hoặc vàng miếng do Ngân hàng Nhà nước tổ chức sản xuất trong từng thời kỳ. | Khoản 2 Điều 3  Vàng miếng là sản phẩm vàng được dập thành miếng, có đóng chữ, số chỉ khối lượng, chất lượng, có ký mã hiệu của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây được gọi là Ngân hàng Nhà nước) cho phép sản xuất; vàng miếng do Ngân hàng Nhà nước tổ chức sản xuất trong từng thời kỳ. | Bổ sung từ, cụm từ “sản phẩm" và “có” để làm rõ hơn khái niệm vàng miếng, tạo thuận lợi trong thực thi chính sách. |
| **Điều 4. Nguyên tắc quản lý** | Khoản 3  Nhà nước độc quyền sản xuất vàng miếng, xuất khẩu vàng nguyên liệu và nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng. | Bãi bỏ khoản 3 Điều 4 (tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định) | Thực hiện xóa bỏ cơ chế độc quyền sản xuất vàng miếng, xuất khẩu vàng nguyên liệu, nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng. |
| Khoản 6  Hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng; sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ là hoạt động kinh doanh có điều kiện và phải được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ. | Sửa đổi, bổ sung khoản 6  6. Hoạt động sản xuất vàng miếng, kinh doanh mua, bán vàng miếng; sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ là hoạt động kinh doanh có điều kiện và phải được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ. | Hoạt động sản xuất vàng miếng là hoạt động kinh doanh có điều kiện và phải được NHNN cấp Giấy phép.  Việc sửa đổi, bổ sung phù hợp với mục tiêu chuyển từ cơ chế độc quyền sản xuất vàng miếng sang cơ chế cấp phép hoạt động sản xuất vàng miếng. |
| Khoản 8  Hoạt động phái sinh về vàng của các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo Điều 105 Luật Các tổ chức tín dụng. | Sửa đổi khoản 8  8. Hoạt động phái sinh về vàng của các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo Điều 112 Luật Các tổ chức tín dụng. | Sửa đổi dẫn chiếu Điều 112 Luật Các TCTD 2024. |
| Khoản 9:  Các hoạt động kinh doanh vàng khác, trừ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng, hoạt động mua, bán vàng nguyên liệu trong nước của doanh nghiệp sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và doanh nghiệp kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ và các hoạt động quy định tại Khoản 6, 7, 8 Điều này, là hoạt động kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh. Tổ chức, cá nhân chỉ được thực hiện các hoạt động kinh doanh vàng khác sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép và được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép. | Sửa đổi, bổ sung khoản 9:  9. Các hoạt động kinh doanh vàng ngoài các hoạt động quy định tại khoản 6, 7, 8 Điều này; hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng, hoạt động mua, bán vàng nguyên liệu trong nước của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp sản xuất vàng miếng, doanh nghiệp sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và doanh nghiệp kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ, là hoạt động kinh doanh thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh. Tổ chức, cá nhân chỉ được thực hiện các hoạt động này sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép và được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép. | Sửa đổi, bổ sung theo hướng sắp xếp lại câu chữ để làm rõ việc kinh doanh khác về vàng và việc kinh doanh loại vàng khác. Đồng thời, bổ sung hoạt động mua, bán vàng nguyên liệu của doanh nghiệp, TCTD sản xuất vàng miếng không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh để phù hợp với việc chuyển từ cơ chế độc quyền sản xuất vàng miếng sang cơ chế cấp phép hoạt động sản xuất vàng miếng. |
| Chưa quy định tại Nghị định | Bổ sung khoản 10  Việc thanh toán mua, bán vàng có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên phải được thực hiện thông qua tài khoản thanh toán của khách hàng và tài khoản thanh toán của doanh nghiệp kinh doanh vàng mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | Việc bổ sung quy định này nhằm đảm bảo yêu cầu về xác thực thông tin khách hàng nhưng không tạo thêm nghĩa vụ của khách hàng do việc xác thực thông tin đã được thực hiện khi khách hàng mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Quy định này cũng nhằm tăng tính công khai, minh bạch trong giao dịch mua, bán vàng. |
| Tên Chương III “Hoạt động mua, bán vàng miếng” | Sửa đổi tên Chương III “Hoạt động sản xuất, mua, bán vàng miếng” | Phù hợp với nội dung sửa đổi bổ sung tương ứng của Chương III liên quan đến hoạt động sản xuất vàng miếng của TCTD, DN. |
| **Điều 6. Trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ** | Chưa quy định tại Nghị định | Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5:  5a. Khi bán vàng nguyên liệu mua từ tổ chức tín dụng, doanh nghiệp quy định tại Điều 11a Nghị định này, phải lập và sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định của pháp luật; lưu trữ đầy đủ, chính xác dữ liệu giao dịch bán vàng nguyên liệu; kết nối cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. | Việc bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng TSMN nêu trên để đảm bảo minh bạch, có kiểm soát trong các giao dịch mua, bán vàng nguyên liệu. |
| **Điều 11a. Điều kiện cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng** | Chưa quy định tại Nghị định | **Bổ sung Điều 11a. Điều kiện cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng**  1. Doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:  a) Là doanh nghiệp có Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng;  b) Có vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng trở lên;  c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh vàng hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh vàng nhưng đã thực hiện xong các biện pháp khắc phục hậu quả, các kiến nghị tại Kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có);  d) Có quy trình nội bộ quy định về sản xuất vàng miếng.  2. Tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:  a) Là tổ chức tín dụng có Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng;  b) Có vốn điều lệ từ 50.000 tỷ đồng trở lên;  c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh vàng hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh vàng nhưng đã thực hiện xong các biện pháp khắc phục hậu quả, các kiến nghị tại Kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có);  d) Có quy trình nội bộ quy định về sản xuất vàng miếng.  3. Ngân hàng Nhà nước quy định thủ tục và hồ sơ cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng. | Bổ sung Điều 11a sau Điều 11 quy định về điều kiện cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng. Bao gồm điều kiện cấp phép sản xuất vàng miếng cho doanh nghiệp và cho TCTD.  Nội dung bổ sung điều kiện để thống nhất với mục tiêu chuyển từ cơ chế độc quyền sản xuất vàng miếng sang cơ chế cấp phép hoạt động sản xuất vàng miếng. Việc xây dựng các điều kiện cấp phép nhằm lựa chọn các doanh nghiệp, TCTD có đủ năng lực tài chính, tuân thủ pháp luật về hoạt động kinh doanh vàng để thực hiện việc sản xuất vàng miếng, đảm bảo vẫn kiểm soát được trên nguyên tắc Nhà nước vẫn quản lý hoạt động sản xuất vàng miếng. |
| **Điều 12. Trách nhiệm của doanh nghiệp, TCTD kinh doanh mua, bán vàng miếng** | Chưa quy định tại Nghị định | Bổ sung khoản 5a, 5b vào sau khoản 5 Điều 12  5a. Xây dựng quy định nội bộ về mua, bán vàng miếng, trong đó quy định rõ quy trình giao dịch mua, bán vàng miếng với khách hàng; công bố công khai thông tin về quyền và nghĩa vụ của khách hàng trên trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp hoặc niêm yết công khai tại trụ sở giao dịch.  5b. Xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo lưu trữ đầy đủ, chính xác dữ liệu giao dịch mua bán vàng miếng; kết nối cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. | Việc bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp, TCTD kinh doanh, mua, bán vàng miếng, bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động kinh doanh, mua, bán vàng miếng, bảo vệ quyền lợi khách hàng, đảm bảo cơ sở dữ liệu để xây dựng hệ thống thông tin về thị trường vàng. |
| **Điều 12a.** | Chưa quy định tại Nghị định | Bổ sung Điều 12a. Trách nhiệm của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp sản xuất vàng miếng:  1. Chỉ được phép sản xuất loại vàng miếng quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.  2. Công bố tiêu chuẩn áp dụng, khối lượng, hàm lượng của sản phẩm theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn khối lượng, hàm lượng sản phẩm đã sản xuất đúng với tiêu chuẩn khối lượng, hàm lượng đã công bố.  3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về sản phẩm vàng miếng do mình sản xuất, bảo hành sản phẩm vàng miếng cho khách hàng theo quy định pháp luật.  4. Xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo lưu trữ đầy đủ, chính xác dữ liệu vàng miếng sản xuất; kết nối cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.  5. Tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan. | Việc bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp, TCTD sản xuất vàng miếng thống nhất với định hướng xoá bỏ cơ chế độc quyền Nhà nước, chuyển sang cơ chế cấp phép cho doanh nghiệp, TCTD sản xuất vàng miếng, bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động sản xuất vàng miếng, bảo vệ quyền lợi khách hàng, đảm bảo cơ sở dữ liệu để xây dựng hệ thống thông tin về thị trường vàng. |
| **Điều 14 Xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu** | Khoản 1  Căn cứ vào mục tiêu chính sách tiền tệ và cung - cầu vàng trong từng thời kỳ, Ngân hàng Nhà nước tổ chức thực hiện việc xuất khẩu vàng nguyên liệu, nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng, cấp giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp theo quy định tại các Khoản 3, 4, 5, 6 Điều này và cấp giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng theo quy định tại khoản 7 Điều này. | Khoản 1  Căn cứ mục tiêu chính sách tiền tệ và cung cầu vàng trong từng thời kỳ, Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp theo quy định tại các Khoản 4, 5, 6 Điều này và cấp giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng theo quy định tại khoản 7 Điều này. | Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 theo hướng bãi bỏ hoạt động “tổ chức thực hiện việc xuất khẩu vàng nguyên liệu, nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng” của NHNN. Việc sửa đổi, bổ sung này nhằm thống nhất với định hướng xoá bỏ cơ chế độc quyền nhà nước trong việc xuất khẩu vàng nguyên liệu, nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng. |
| Chưa quy định tại Nghị định | Bổ sung khoản 1a  1a. Căn cứ mục tiêu chính sách tiền tệ và cung cầu vàng trong từng thời kỳ, Ngân hàng Nhà nước cấp hạn mức hàng năm và Giấy phép từng lần xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng cho doanh nghiệp, tổ chức tín dụng quy định tại Điều 11a Nghị định này; nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp, tổ chức tín dụng quy định tại Điều 11a Nghị định này. | Việc bổ sung quy định này thống nhất với định hướng xóa bỏ cơ chế độc quyền xuất khẩu vàng nguyên liệu, nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng một cách có kiểm soát trên nguyên tắc Nhà nước vẫn quản lý thông qua việc cấp giấy phép.  Hàng năm, NHNN thực hiện cấp hạn mức nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu từng lần vàng miếng, vàng nguyên liệu cho TCTD, DN. |
| Khoản 3 | Bãi bỏ | Về kỹ thuật, để thống nhất với việc bổ sung khoản 1a, dự thảo Nghị định bãi bỏ khoản 3 Điều 14 Nghị định 24. |
| Khoản 9  9. Ngân hàng Nhà nước quy định điều kiện, thủ tục và hồ sơ cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu quy định tại các Khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này. | Sửa đổi, bổ sung khoản 9  9. Ngân hàng Nhà nước quy định điều kiện cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu quy định tại khoản 4, 5, 6 và 7 Điều này; hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng quy định tại các Khoản 1a, 4, 5, 6 và 7 Điều này và thời hạn của Giấy phép. | Sửa đổi để phù hợp với các nội dung mới quy định mới quy định tại dự thảo NĐ (khoản 1a về việc NHNN cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng). |
| **Điều 14a. Trách nhiệm của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp được cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng quy định tại khoản 1a Điều 14 Nghị định này** | Chưa quy định tại Nghị định | **Điều 14a. Trách nhiệm của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp được cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng quy định tại khoản 1a Điều 14 Nghị định này**  1. Chỉ được phép nhập khẩu vàng miếng, vàng nguyên liệu của nhà sản xuất vàng được chứng nhận bởi Hiệp hội Thị trường vàng London (LBMA).  2. Công bố tiêu chuẩn áp dụng, khối lượng, hàm lượng của vàng miếng, vàng nguyên liệu nhập khẩu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn khối lượng, hàm lượng sản phẩm đã nhập khẩu đúng với tiêu chuẩn khối lượng, hàm lượng đã công bố.  3. Xây dựng và báo cáo Ngân hàng Nhà nước quy định nội bộ về xuất khẩu, nhập khẩu, biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng.  4. Xây dựng quy định nội bộ về việc bán vàng nguyên liệu đảm bảo công khai, minh bạch; công bố công khai thông tin về việc bán vàng nguyên liệu, quyền và nghĩa vụ của khách hàng.  5. Sử dụng vàng miếng, vàng nguyên liệu nhập khẩu cho các mục đích:  a) Sản xuất vàng miếng;  b) Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ;  c) Bán cho doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng;  d) Bán cho doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.  6. Xây dựng hệ thống thông tin để đảm bảo lưu trữ đầy đủ, chính xác dữ liệu về xuất khẩu, nhập khẩu, giao dịch mua bán vàng nguyên liệu; kết nối cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.  7. Tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan | Việc bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp, TCTD nêu trên thống nhất với định hướng xoá bỏ cơ chế độc quyền Nhà nước, chuyển sang cơ chế cấp phép cho doanh nghiệp, TCTD xuất khẩu, nhập khẩu vàng, bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng, bán vàng nguyên liệu, đảm bảo cơ sở dữ liệu để xây dựng hệ thống thông tin về thị trường vàng. |
| **Điều 16. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước** | Điều 16.  1. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm xây dựng, trình các cấp có thẩm quyền ban hành chiến lược, kế hoạch về phát triển thị trường vàng và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh vàng theo quy định tại Nghị định này.  2. Ngân hàng Nhà nước được bổ sung vàng miếng vào Dự trữ ngoại hối Nhà nước.  3. Ngân hàng Nhà nước thực hiện can thiệp, bình ổn thị trường vàng thông qua các biện pháp sau đây:  a) Xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định này.  b) Tổ chức và quản lý sản xuất vàng miếng thông qua việc quyết định hạn mức, thời điểm sản xuất và phương thức thực hiện sản xuất vàng miếng phù hợp trong từng thời kỳ. Chi phí tổ chức sản xuất vàng miếng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Ngân hàng Nhà nước.  c) Thực hiện mua, bán vàng miếng trên thị trường trong nước và tổ chức huy động vàng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.  4. Ngân hàng Nhà nước cấp, thu hồi:  a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.  b) Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng.  c) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu.  d) Giấy phép mang theo vàng khi xuất cảnh, nhập cảnh của cá nhân vượt mức quy định.  đ) Giấy phép đối với các hoạt động kinh doanh vàng khác sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép.  5. Ngân hàng Nhà nước thực hiện kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng, vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu và hoạt động kinh doanh vàng khác.  6. Ngân hàng Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác liên quan đến quản lý hoạt động kinh doanh vàng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. | Điều 16.  1. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành chiến lược, kế hoạch về phát triển thị trường vàng theo hướng thị trường hóa.  2. Ngân hàng Nhà nước được bổ sung vàng miếng vào Dự trữ ngoại hối Nhà nước.  3. Ngân hàng Nhà nước thực hiện can thiệp, bình ổn thị trường vàng thông qua các biện pháp theo quy định của pháp luật.  4. Xây dựng, điều chỉnh hạn mức hàng năm đối với việc xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp quy định tại Điều 11a Nghị định này.  5. Ngân hàng Nhà nước cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi:  a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ;  b) Giấy phép sản xuất vàng miếng;  c) Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng;  d) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng, vàng nguyên liệu;  đ) Giấy phép mang theo vàng khi xuất cảnh, nhập cảnh của cá nhân vượt mức quy định;  e) Giấy phép đối với các hoạt động kinh doanh vàng quy định tại khoản 9 Điều 4 sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép;  g) Hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng; nhập khẩu vàng nguyên liệu của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp quy định tại Điều 11a Nghị định này.  6. Phối hợp cùng các bộ, ngành liên quan để thiết lập hệ thống thông tin, xây dựng, lưu trữ dữ liệu về thị trường vàng, kết nối cung cấp thông tin cho cơ quan liên quan nhằm tăng tính minh bạch, hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý.  7. Ngân hàng Nhà nước thực hiện kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động sản xuất vàng miếng, vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng, vàng nguyên liệu và hoạt động kinh doanh vàng quy định tại khoản 9 Điều 4.  8. Ngân hàng Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác liên quan đến quản lý hoạt động kinh doanh vàng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. | Việc sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của NHNN trong việc quản lý thị trường vàng phù hợp với các nội dung thay đổi cơ chế quản lý sản xuất vàng miếng, phát triển thị trường theo hướng thị trường hóa, thiết lập hệ thống thông tin, xây dựng, lưu trữ dữ liệu về thị trường vàng, kết nối cung cấp thông tin cho cơ quan liên quan.  Bổ sung NHNN thực hiện cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi: Giấy phép sản xuất vàng miếng; Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng, vàng nguyên liệu cho các TCTD, DN được phép sản xuất vàng miếng. |
| **Điều 17. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương** | Điều 17.  Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng như sau:  1. Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện chức năng quản lý, kiểm tra, thanh tra hoạt động sản xuất, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ và việc doanh nghiệp kinh doanh vàng chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật.  2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm quy định và hướng dẫn thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho các doanh nghiệp kinh doanh vàng và sao gửi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã cấp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn để phối hợp thực hiện.  3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu vàng, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế thu nhập đối với hoạt động kinh doanh vàng phù hợp trong từng thời kỳ.  4. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có trách nhiệm thực hiện ban hành tiêu chuẩn chất lượng đối với vàng trang sức, mỹ nghệ; kiểm tra, thanh tra và quản lý chất lượng đối với vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường và kiểm định phương tiện đo lường của các doanh nghiệp kinh doanh vàng.  5. Bộ Công an có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc đấu tranh, điều tra, xử lý các vi phạm pháp luật về kinh doanh vàng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.  6. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vàng tại địa phương theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan. | Sửa đổi, bổ sung Điều 17.  Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng như sau:  1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện chức năng quản lý, kiểm tra hoạt động sản xuất, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ và việc doanh nghiệp kinh doanh vàng chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật.  2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu vàng, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế thu nhập đối với hoạt động kinh doanh vàng phù hợp trong từng thời kỳ; quy định, hướng dẫn thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho các doanh nghiệp kinh doanh vàng và chia sẻ thông tin dữ liệu về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp kinh doanh vàng cho Ngân hàng Nhà nước để phối hợp thực hiện.  3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có trách nhiệm thực hiện ban hành tiêu chuẩn chất lượng đối với vàng trang sức, mỹ nghệ và vàng miếng; kiểm tra và quản lý chất lượng đối với vàng trang sức, mỹ nghệ và vàng miếng lưu thông trên thị trường; kiểm định phương tiện đo lường của các doanh nghiệp kinh doanh vàng.  4. Thanh tra Chính phủ thực hiện chức năng thanh tra hoạt động sản xuất, kinh doanh mua, bán vàng.  5. Bộ Công an phối hợp với các bộ, ngành liên quan trong việc đấu tranh, điều tra, xử lý các vi phạm pháp luật về kinh doanh vàng, buôn lậu vàng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.  6. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vàng tại địa phương theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Thanh tra tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý nhà nước về công tác thanh tra đối với hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ trên địa bàn.” | Sửa đổi để phù hợp với chức năng nhiệm vụ của các bộ, ngành sau khi Chính phủ thực hiện chủ trương tinh gọn, sắp xếp lại bộ máy nhà nước (trong đó, hợp nhất Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính, chuyển chức năng thanh tra của các bộ, ngành về Thanh tra Chính phủ) và phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025; bổ sung trách nhiệm của Bộ Công an trong việc phối hợp với các bộ, ngành liên quan trong việc đấu tranh, điều tra, xử lý các vi phạm pháp luật về kinh doanh vàng, buôn lậu vàng; trách nhiệm của Thanh tra tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý nhà nước về công tác thanh tra đối với hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ trên địa bàn. |
| **Điều 19: Hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng** | Khoản 2.  2. Hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng; xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu không có giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp. | Sửa đổi, bổ sung khoản 2.  2. Hoạt động sản xuất, hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng không có giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp; hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu, xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng không đúng quy định. | Bổ sung hành vi hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng không đúng quy định để phù hợp với các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định… |
| **Điều 20. Chế độ báo cáo** | Điều 20  Các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh vàng phải thực hiện báo cáo tình hình hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ; tình hình mua, bán vàng miếng; tình hình xuất khẩu, nhập khẩu vàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền. | Sửa đổi, bổ sung Điều 20:  Các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh vàng phải thực hiện báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ; tình hình sản xuất, mua, bán vàng miếng; tình hình xuất khẩu, nhập khẩu vàng, tình hình bán vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền. | Bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp, TCTD hoạt động kinh doanh vàng phải thực hiện báo cáo tình hình hoạt động sản xuất vàng miếng, tình hình bán vàng nguyên liệu nhập khẩu, đảm bảo cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước về vàng. |
| **Điều 22. Hiệu lực thi hành; Điều 23. Trách nhiệm thi hành** | Điều 22.  Điều 23 | Khoản 2 Điều 3 dự thảo quy định về điều khoản chuyển tiếp  2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vàng bạc Đá quý Sài Gòn – SJC (sau đây được gọi là Công ty SJC) được phép gia công lại vàng miếng từ vàng miếng SJC do Công ty SJC đã sản xuất, gia công, có ít nhất một trong các đặc điểm sau: a) Bị trầy xước; b) Bị đóng thêm các dấu hiệu, ký hiệu không phải của Công ty SJC; c) Bị biến dạng. Công ty SJC chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc đảm bảo vàng miếng SJC được gia công là vàng miếng do Công ty SJC sản xuất, gia công theo quy định pháp luật. | Theo Nghị định 24, NHNN có nhiệm vụ tổ chức sản xuất vàng miếng. NHNN giao Công ty SJC gia công vàng miếng cho NHNN và gia công lại vàng miếng SJC đã sản xuất, gia công không đủ tiêu chuẩn lưu thông. Hiện nay vẫn còn một lượng vàng miếng SJC nhất định lưu thông trên thị trường, trong quá trình đó không tránh khỏi hiện tượng bị trầy xước, biến dạng… Vì vậy, cần quy định điều khoản chuyển tiếp để sau khi Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, hoạt động gia công lại của SJC vẫn được thực hiện bình thường trên nguyên tắc Công ty SJC chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc vàng miếng SJC được gia công lại là vàng miếng do Công ty SJC sản xuất, gia công theo quy định pháp luật. |